|  |  |
| --- | --- |
|  | **MA TRẬN ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HKI****MÔN NGỮ VĂN 6**Thời gian kiểm tra: 90 phút |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn | **Nhận biết:** **-** Nêu được ấn tượng chung về văn bản.**-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.- Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề của văn bản.- Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.- Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng**:- Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:** **Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2022 - 2023***Môn: Ngữ văn 6* *Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**Phần I. Đọc-hiểu** *(6.0 điểm)*

**Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

 *“Gió bấc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất… Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:*

 *- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!*

 *- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.*

*Nhím nhặt chiếc que khều… Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giũ nước, quấn lên người Thỏ:*

 *- Phải may thành một chiếc áo, có thế mới kín được.*

 *- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.*

*Nhím ra dáng nghĩ:*

 *- Ừ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.*

*Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may.*

(Trích “*Những chiếc áo ấm*”, Võ Quảng)

**Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8. (***Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).*

**Câu 1:** Thể loại của đoạn trích trên là:

A. truyện cổ tích C. truyện đồng thoại

C. truyện truyền thuyết D. truyện ngắn

**Câu 2:** Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

A. lời của người kể chuyện B. lời của nhân vật Nhím

C. lời của nhân vật Thỏ D. lời của Nhím và Thỏ

**Câu 3:** Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.

B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.

C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.

D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

**Câu 4.** Chi tiết nào miêu tả Nhím và Thỏ khiến em liên tưởng đến đặc điểm của con người?

 A. Thỏ đuổi theo.

B. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên.

C. Một chú Nhím vừa đi đến.

D. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may.

**Câu 5:** Em hiểu nghĩa của từ “*tròng trành*” trong câu “*Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước.”* là gì?

A. quay tròn, không giữ được thăng bằng.

B. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại.

C. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng.

D. ở trạng thái quay tròn, nghiêng qua nghiêng lại.

**Câu 6:** Thỏ đã gặp sự cố gì trong đoạn trích trên?

A. Bị ngã khi cố với một chiếc khăn.

B. Tấm vải của Thỏ bị gió cuốn đi, rơi trên ao nước.

C. Bị thương khi cố khều tấm vải mắc trên cây.

D. Đi lạc vào một nơi đáng sợ.

**Câu 7**. Khi thấy Thỏ bị rơi chiếc áo khoác xuống nước, Nhím đã có hành động gì?

A. Bỏ đi, mặc kệ Thỏ một mình.

B. Tiến lại gần và đưa chiếc que cho Thỏ khều tấm vải.

C. Lấy giúp Thỏ, giũ nước, quấn lên người Thỏ.

D. Nhờ một người bạn khác giúp đỡ Thỏ.

**Câu 8:** Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời nhận xét sau để thể hiện đúng nhất thái độ của Nhím đối với Thỏ qua câu nói “*Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được*?”

Nhím……………. cho Thỏ.

A. lo sợ B. lo lắng C. lo âu D. lo ngại

**Câu 9** *(1.0 điểm)*:Cho biết nội dung chính của đoạn trích trên?

**Câu 10** *(1.0 điểm)*:Từ hành động của các nhân vật trong đoạn trích, em rút ra được những bài học đáng quý nào?

**Phần II. Làm văn** *(4.0 điểm)*

 Viết bài văn kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

**HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung**  | **Điểm** |
| **Phần I. Đọc – hiểu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** |
| **B** | **A** | **A** | **D** | **C** | **B** | **B** | **D** |

**Mỗi câu đúng được 0.5 điểm** | **4.0** |
| **Câu 9** | -Nói lên tình bạn bè thân thiết. Tấm lòng giúp người hoạn nạn khi khó khăn.- Nhím là một người vô cùng tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn. Thỏ có Nhím làm bạn chính là tình bạn đáng quý. | **1.0** |
| **Câu 2** | - HS nêu được những bài học phù hợp: + Có lòng nhân ái, yêu thương mọi người+ Cần biết cảm thông, thấu hiểu, giúp đỡ người khác khi họ khó khăn.+ Nhanh nhẹn, linh hoạt khi gặp khó khăn,…*(HS rút ra 1 thông điệp hợp lí thì chấm ½ số điểm; HS rút ra từ 2-3 thông điệp có diễn giải hợp lí thì chấm điểm tối đa).* | **1.0** |
| **Phần II. Làm văn (4.0 điểm)** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự*Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. | 0.25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh | 0.25 |
|  *c. Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh*HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.- Giới thiệu được trải nghiệm.- Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.- Những ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân. | 2.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục rõ ràng, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc | 0.5 |